

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §142

C

HIỆN THỰC

- Nói rất khái quát, *hiện thực* kết thúc sự nhị nguyên qua đó bản chất thể hiện như là một Quan hệ *hữu hạn* giữa hai hạn từ: một bên hướng về bản chất bên trong, và bên kia hướng về tồn tại hiện tượng trực tiếp (là nơi bản chất-bên trong ấy thể hiện ra). Bây giờ, Quan hệ giữa cái bên trong và cái bên ngoài vẫn còn là Quan hệ, nhưng là *vô hạn*, là nơi hai hạn từ tự đồng nhất hóa một cách tuyệt đối và phai tàn đi, nhường chỗ cho sự đồng nhất *động* của *hiện thực*, hiểu như sự thống nhất *trực tiếp* của tiến trình xuất hiện của bản chất. Tiểu đoạn §142 sẽ đưa ra các định nghĩa cơ bản về thể nào là “*hiện thực*”. Để hiểu tiểu đoạn quan trọng này, cần trả lời hai câu hỏi: – tại sao hiện thực lại là “sự thống nhất *đã trở thành trực tiếp* giữa bản chất và sự hiện hữu (hay giữa cái bên trong và cái bên ngoài)? – và cái gì là *chủ thể* của “*hiện thực*” hiểu theo nghĩa đen của động từ “*wirken*” (tác động, hành động) trong chữ “*hiện thực*” (Wirklichkeit)?
- Để dễ hiểu, cần định nghĩa “*hiện thực*” trong quan hệ so sánh với các mômen trước đây của Ý niệm. Ngay cuối §141, ta đã biết hiện thực là phạm trù mới nói lên sự thống nhất-đồng nhất của cái bên trong và cái bên ngoài (hay, nói như ở §139, là sự thống nhất giữa bản chất và sự hiện hữu-hiện tượng). Tất nhiên, các hình thức khác nhau của Quan hệ-bản chất (cái toàn bộ và những bộ phận; lực và sự ngoại tại hóa của nó; cái bên trong và cái bên ngoài) *đã* tạo nên một sự thống nhất nào đó giữa bản chất và sự hiện hữu. Nhưng, ở đây, cần nhấn mạnh rằng *hiện thực* cũng là một sự thống nhất, nhưng “**đã trở thành trực tiếp**” (*die unmittelbar gewordene Einheit / the unity become immediate / l’unité devenue immédiate*). Vấn đề ở đây là chữ “*trực tiếp*”. Trong Quan hệ-bản chất, sự thống nhất, xét như sự thống nhất (als solche / as such / comme telle), sở dĩ chưa thể là “*trực tiếp*” chính là vì *sự trực tiếp (!)* còn kiên

cổ của bản thân các hạn từ mà sự trực tiếp ấy kết nối lại. Vì sao? Vì sự thống nhất giữa bản chất và tồn tại vẫn còn giữ hình thức nhị nguyên của một Quan hệ giữa hai bên. Nhưng, từ khi cái bên trong và cái bên ngoài đã tự chứng tỏ *chỉ* là các sự trừu tượng trống rỗng quy định một sự trung giới vốn không còn đúng nghĩa là một sự trung giới nữa, thì sự thống nhất của chúng đã *trở thành* một sự thống nhất *trực tiếp* theo nghĩa: cái bên ngoài **là** cái bên trong trong một sự liên tục tuyệt đối của việc thể hiện cái này trong cái kia. Sự trực tiếp nói ở đây không đồng nghĩa với sự tĩnh tại. Trái lại, nó là sự trực tiếp của một thực tại đang vận động; sự trực tiếp của một *hành động*, hay đúng hơn, của một sự *tác động*. Đó là một sự trực tiếp ra đời từ một sự vận động: sự quá độ hay chuyển hóa của cái bên trong sang cái bên ngoài (hay của bản chất sang hiện hữu) và ngược lại. Nói ngắn, hiện thực không chỉ là sự thống nhất *trực tiếp* của bản chất và hiện hữu mà là sự thống nhất **“đã trở thành”** trực tiếp giữa cả hai, nghĩa là: trong sự trực tiếp của nó đã chứa đựng toàn bộ sự vận động trung giới trong tiến trình *trở thành* của nó. (Lưu ý: Hegel vẫn còn dùng chữ *“trở thành”* và *“sự trực tiếp”* vốn là hai phạm trù của lĩnh vực Tồn tại, dù đây không phải là sự trực tiếp của tồn tại-thuần túy và cũng không phải là kết quả của một sự trở thành trừu tượng. Tuy nhiên, các chữ ấy cũng báo hiệu cho thấy sự khiếm khuyết của sự thống nhất còn *“đơn thuần trực tiếp”* này như sự phát triển cao hơn của Ý niệm sẽ vạch rõ sau này.

Tóm lại, trong “sự thống nhất đã trở thành trực tiếp” ở đây, sự “thống nhất” được lấy lại (“bảo lưu”) là sự thống nhất của §141, còn sự “trực tiếp đã trở thành” lấy lại sự “tiêu biến” của tiểu đoạn ấy. Bây giờ, ta đi vào câu hỏi thứ hai.

- Giống như trước đây, ta không nói “sự hiện hữu nói chung”, “hiện tượng nói chung” mà nói “những cái đang hiện hữu”, và “những tồn tại-hiện tượng”, thì bây giờ cũng không nói “hiện thực nói chung” mà nói: *cái hiện thực* (*das Wirkliche / the actual / l’“effectif”*). Vậy phải hỏi: “cái hiện thực” là cái gì hay nói cách khác, cái gì là “chủ thể” của “hiện thực” (*Wirklichkeit / actuality / effectivité*) để là “cái hiện thực”? Với Hegel, chính *tư tưởng* (hay *Tư duy*) mới là chủ thể của hiện thực; chính nó

có tính hiện thực và là “cái hiện thực”. Sự thống nhất “đã trở thành trực tiếp” (giữa bản chất và hiện hữu / giữa cái bên trong và cái bên ngoài) là gì nếu không phải là việc ngoại tại hóa cái bản chất bên trong của *tư tưởng*; là chính bản thân tư tưởng mà bản chất của nó đang “hành động” ngay trong sự hiện hữu là nơi nó tự thể hiện? Đó là ý nghĩa sâu xa của chữ “*hiện thực*”: chỉ là “hiện thực” cái gì hành động hay tác động (*wirken / act / agir*) và tạo ra được một tác động hiệu quả*. Bản chất là “hiện thực” trong chừng mực nó tự ngoại tại hóa, *tự biểu lộ* (*sich manifestieren*) trong sự hiện hữu-hiện tượng. Vậy, trước khi đi tới Khái niệm, “hiện thực” là hình thức đầu tiên của sự hòa giải cụ thể và trực tiếp giữa sự phản tư và sự trực tiếp, giữa bản chất và tồn tại. Phần “*Nhận xét*” sẽ minh giải rõ hơn, vì thế cần đọc phần *Nhận xét* với tất cả sự chăm chú.

- **Phần Nhận xét cho §142**

- Hãy so sánh kỹ giữa hình thức mới của cái trực tiếp với các hình thức đã gặp trước đây. Trước đây, ta có hai hình thức của cái trực tiếp: *tồn tại* và *sự hiện hữu*. Tồn tại là sự trực tiếp không được phản tư, nghĩa là, thuần túy và trừu tượng không có sự phản tư lẫn sự trung giới nội tại, khiến cho vận động của

* Vì thế, ta gặp khó khăn rất lớn khi dịch chữ “*Wirklichkeit / actuality / effectivité*” sang tiếng Việt. Cách dịch sang tiếng Anh và Pháp cũng chỉ nhấn mạnh được khía cạnh “hành động”, “tác động hiệu quả”, nhưng không nói được khía cạnh “thực tại” (*Realität*). Nhưng cũng không thể dịch là “*Realität*” / *reality / réalité* vì phạm trù này rất nghèo nàn, thiếu vắng khía cạnh trước. Vì thế, ở nửa trước của bản dịch quyển *Hiện tượng học Tinh thần* sang tiếng Pháp, J. Hyppolite dịch là “*réalité effective*”; nhưng thấy rườm quá, nên ở nửa sau, ông đành hy sinh chữ “*réalité*” để dịch thành “*effectivité*”. Trong tiếng Việt, chúng tôi lưu ý đến sự gần gũi của hai chữ “*Realität*” và “*Wirklichkeit*” với hai phạm trù của *Kant* (“*Realität*” / “thực tại” thuộc phạm trù *Chất* nói lên sự khẳng định trong tư tưởng: ví dụ: hình tam giác có ba góc, còn “*Wirklichkeit*” (hay *Dasein* / “hiện thực” thuộc phạm trù *Tình thái* (*Modalität*) nói lên sự khẳng định về sự tồn tại / không tồn tại (thực sự) của sự vật đối với sự nhận thức, ví dụ: hôm nay trời mưa, hình tam giác có thực được vẽ lên giấy...) (xem: *Kant*, PPLTTT, B102 và tiếp. Sđd, BVNS, tr. 238 và tiếp), nên đề nghị cũng dịch chữ “*Wirklichkeit*” là “*hiện thực*” cho nhất quán. Đây chỉ là cách dịch có tính “quy ước” tạm thời, trong khi chờ đợi có cách dịch khác tốt hơn, vì nó vẫn chưa nói lên được khía cạnh “tác động hiệu quả” (Dịch là: “hiện thực-hiệu quả” thì quá rườm; dịch là “hiệu thực” thì quá cầu kỳ, khó hiểu).

tư tưởng luôn ở bên ngoài từng mômen của nó và mỗi mômen là một *sự quá độ* hay *sự chuyển sang mômen khác*. Vì thế, tồn tại không phải là một tồn tại tự-mình-và-cho-mình; nó làm mỗi cho sự phủ định, chứ sự phủ định không phải là hành vi của chính nó; nói ngắn, tồn tại *trở thành* nhưng không “*tác động*”, không phải là “hiện thực”. Trong khi đó, *sự hiện hữu* (§123) là sự thống nhất trực tiếp của sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái khác, hay nói khái quát hơn, của tồn tại và sự phản tư. Nó vừa là trực tiếp vừa là tương quan. Sở dĩ sự hiện hữu là cao hơn (về lôgic) so với tồn tại, vì, –được trung giới bởi sự thái hồi của sự phản tư-cơ sở của bản chất –, sự trực tiếp của nó mang theo mình sự trung giới và vận động phủ định của sự phản tư, thể hiện trong cái đang hiện hữu cụ thể là *sự vật*. Nhưng, sự thống nhất trực tiếp này dành ưu tiên cho sự trung giới. Nó không chịu đựng nổi sức nặng của sự mâu thuẫn và vì thế, ngã quy trước tính phủ định luôn kéo nó vào trong một sự ánh hiện không ngừng trong-cái-khác. Nó trở thành một *tồn tại-hiện tượng* đơn thuần, và sự hữu hạn của nó gắn liền nó với một sự vô hạn của những tồn tại-hiện tượng khác, tạo nên tổng thể *hiện tượng* của bản chất hay của sự ánh hiện của bản chất. Sự hiện hữu, khi trở thành hiện tượng, quay trở lại với *cơ sở-bản chất* làm cho nó ngã gục. Vì thế, hiện tượng không phải là ít đúng thật hơn sự hiện hữu, trái lại, là đúng thật hơn, vì nó là sự hiện hữu-bản chất, tuy không đủ sức mang gánh nặng của sự phủ định. *Chính sự bất lực này đã phân biệt sự hiện hữu với hiện thực*. Cái hiện thực tuy vẫn là một cái đang hiện hữu (sự thống nhất trực tiếp giữa tồn tại và sự phản tư / hay giữa sự hiện hữu và bản chất) nhưng là sự thống nhất *đã trở thành* trực tiếp, hay, như Hegel viết, là *tồn tại-được thiết định* (*Gesetzsein / positedness / l'être-posé*) của sự thống nhất này. Có nghĩa là gì? “Tồn tại-đã-trở-thành” hay “tồn tại-được-thiết định” này của sự thống nhất trực tiếp giữa tồn tại và sự phản tư có nghĩa: từ nay, trong “hiện thực”, sự trực tiếp và sự phản tư đều tuyệt đối *được thiết định* hay *được trung giới* (định nghĩa ở §116), nghĩa là, chỉ còn là những mômen đơn thuần có tính ý thể (= bị vượt bỏ, thái hồi) bên trong vận động tuyệt đối. Từ nay, sự trực tiếp của sự hiện hữu không còn ngã gục một cách trừu tượng mà quay trở về đồng nhất với mình và phương diện của sự dị biệt hóa chỉ còn là một mômen của vận động duy

nhất của hiện thực. Chính vì thế, Hegel còn gọi cái hiện thực là *Quan hệ-đã-trở-thành đồng nhất-với-mình* (*das mit sich identisch gewordene Verhältnis / the relationship that has become identical with itself / le Rapport devenu-identique-avec-soi*). Cần giải thích rõ hơn:

- Quan hệ – xét như là Quan hệ – bao giờ cũng diễn tả tính phản tư của bản chất; nó là “tính tương quan” và được đặt vào mối “quan hệ” dị biệt hóa. Nhưng, kinh qua phép biện chứng-đồng nhất hóa của cái bên trong và cái bên ngoài, Quan hệ ấy đã mất đi tính cách phiến diện của “Quan hệ” mà trở thành một Quan hệ đồng nhất với mình, nghĩa là tính phản tư của nó tự vượt bỏ theo hướng trở thành sự trực tiếp và hợp nhất tuyệt đối với sự trực tiếp. Từ đó, cái hiện thực không còn ánh hiện mình trong cái khác theo kiểu các mômen trước đây nữa, vì, trong nó, tính phản tư trong cái khác của việc ánh hiện chuyển hóa thành sự tái-đồng nhất hóa với mình. Hegel dùng cách viết rất ấn tượng: *tính ngoại tại của nó là năng lượng của nó*. Việc dựa vào khái niệm “năng lượng” hay “tiềm lực” (*energia*) của Aristoteles có nghĩa: cái hiện thực là cái bên trong, trong chừng mực nó là hành động của chính mình ở trong cái bên ngoài (là nơi nó tự thể hiện). Thay vì đánh mất mình trong tính ngoại tại, nó gây tác động hiệu quả ở đó; nó tự hiện thực hóa mình ở đó. Do đó, *tồn tại-hiện có* (*Dasein / being-there / être-là*) ở bên ngoài của cái hiện thực, tức tồn tại trực tiếp của nó chỉ là *sự biểu lộ chính bản thân mình*. (*Manifestation seiner selbst / Manifestation of itself / Manifestation de soi-même*) chứ không phải của một cái khác.
- Trong bản chất-hiện thực – nơi hình thức của Quan hệ đã tiêu biến –, từ nay bản chất không có nội dung nào khác ngoài bản thân *hình thức* của sự tự biểu lộ bản thân. Trong hiện thực, hiện tượng cũng không còn là sự ánh hiện trừu tượng đến vô tận. (Giống như trong lĩnh vực Tồn tại, *Lượng* được bảo lưu trong sự cân bằng về chất của *Hạn độ*, hiện thực không còn đơn giản là sự phản tư-trong-cái khác mà là sự *tự-biểu lộ mình cho chính mình ở trong mình*).

- Qua đó, hiện thực tự giải phóng đáng kể ra khỏi tính phản tư và tính nhị nguyên tiêu biểu của bản chất và tiếp cận với Khái niệm như là sự liên tục tuyệt đối chính mình của tư tưởng trong việc *tự-đặc thù hóa* của nó. Tất nhiên, hiện thực chưa tự đặc thù hóa, chưa tự-quy định, chưa tự-phát triển như một *Chủ thể tự do*, nhưng đã là chính mình trong sự tự biểu lộ. Vì thế, Khái niệm (§§158, 159) sẽ không đến để thay chỗ cho hiện thực mà chỉ thiết định *minh nhiên* sự phát triển này. Bây giờ, trong Khái niệm, cái tác động trong hiện thực sẽ là *hành vi cá biệt* của một Chủ thể tự do, có quyền năng tự-biểu lộ. (Xem thêm các câu văn tuyệt diệu của Hegel về điểm này trong [*Đại Khoa học Lôgíc*, II, 169c-170a).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §143

- Sau khi xác định nội dung tổng quan của “*hiện thực*”, từ §143 đến §149, bàn về *ba mômen* của hiện thực: *khả năng (khả thể) – bất tất (ngẫu nhiên) – và tất yếu*. Trước hết, ta hỏi: tại sao *hiện thực* lại cũng có các mômen quy định?
- Dù không còn là tồn tại thuần túy, hiện thực vẫn là một hình thức của cái trực tiếp. Sự trực tiếp của nó là của một vận động ngoại tại hóa, qua đó nó là sự biểu lộ chính mình. Do tính chất *cụ thể* của sự trực tiếp của nó, hiện thực vẫn còn là sự phản tư và vẫn còn thuộc về lĩnh vực phân đôi – tuy không phải là nhị nguyên – của bản chất. Như thế, ta tìm thấy trong nó sự thống nhất cụ thể của những quy định khác nhau ngay trong việc ngoại tại hóa: sự phân biệt và sự thống nhất của “mình” và “tính ngoại tại”. Nói khác đi, là một sự thống nhất trực tiếp nhưng phức tạp giữa bản chất và sự hiện hữu, hiện thực bao gồm các quy định *hình thức* của cái bên trong và cái bên ngoài, của sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái khác v.v...

Vì thế, ngay trong lòng sự tự-biểu lộ mình, hiện thực *lặp lại* các quy định ấy lẫn các sự khác biệt giữa chúng, nhưng lại “*phát triển*” chúng một cách mới mẻ bằng chính sự triển khai của mình. Chữ “*phát triển*” (*Entwicklung / development*) là

một phạm trù được vay mượn từ Logic học về Khái niệm (§161) nói lên sự phục tùng hoàn toàn của mỗi quy định tự do của Khái niệm dưới tính toàn thể của Khái niệm. Như thế, ở đây, đã có sự báo hiệu về một sự “phát triển” nơi hiện thực, nơi đó các quy định *hình thức* của hiện thực chỉ được hiện thực triển khai với tư cách là được quy định “*nơi nó*” (*an ihr / in it / en elle*) chỉ như là về ngoài đơn giản, như là các hạn từ đơn thuần *được thiết định* như §141 đã khẳng định. Nói rõ hơn, các hạn từ của Quan hệ là cái bên trong và cái bên ngoài nay bị hạ thấp xuống và bị tương đối hóa thành hai phạm trù: *khả năng* (*khả thể*) và *sự bất tất* (*ngẫu nhiên*) như là hai mômen của hiện thực. Bây giờ, ta bắt đầu xét hai mômen bị giáng loại ấy.

1) Khả năng (khả thể) (Möglichkeit / possibility / possibilité)

- Như vừa nói, hiện thức lặp lại các quy định hình thức trước đây ở cấp độ tư biện cao hơn. Các quy định thuần túy trước đây của sự phản tư: *sự đồng nhất*, *sự khác biệt* và *cơ sở* nay có các quy định tương đương, nhưng phong phú hơn nhiều. Trước hết, với tư cách là *sự đồng nhất* nói chung, hiện thực thoát đầu là *KHẢ NĂNG (KHẢ THỂ)*. *Khả năng* không gì khác hơn là sự phản tư-trong-mình trừu tượng của cái hiện thực, được biểu thị bằng *sự đồng nhất trống rỗng*, có thể áp dụng cho mọi sự mọi vật: tất cả đều đồng nhất với chính nó, thế thì mọi cái thực tồn hay hiện thực đều là “khả hữu”, đều “có thể có” cả.
- Tuy nhiên, trong hiện thực cụ thể, sự phản tư-trong-mình một cách hình thức ấy không thể là gì khác hơn một mômen được ý thể hóa (= được trả lời) và hoàn toàn được thiết định của sự thống nhất cụ thể của cái hiện thực. Đối diện với sự thống nhất này, sự phản tư-trong-mình của cái hiện thực (tức khả thể đơn thuần) được thiết định như là “*tính bản chất trừu tượng và không-bản chất*” (*die abstrakte und unwesentliche Wesentlichkeit / posited as the abstract and unessential essentiality / posée comme l’essentialité abstraite et inessentielle*). Tại sao nhắc lại ở đây chữ “không-bản chất”? Ta nhớ rằng ở §114, cái bản chất và cái không-bản chất biểu thị bản chất và tồn tại (ngay khi bản chất mới xuất hiện) như còn tách rời nhau một cách trừu tượng, thay vì được hợp nhất trong

nhất thể cụ thể của bản chất đúng thật. Ở đây, ta gặp lại chính sự trừu tượng và phân ly ấy. “*Tính bản chất*” (*Wesentlichkeit*) nói lên tính chất trừu tượng của bản chất-hiện thực trong chừng mực nó là sự phản tư-trong-mình đơn giản, tức: là *khả thể*. Tuy rằng, về bản chất, bản chất là tồn tại tự-mình-và-cho-mình, theo nghĩa đó, nó thiết yếu là sự phản tư-trong-mình, nhưng, bao lâu còn mang hình thức này của sự đồng nhất gọi lên sự trực tiếp của tồn tại, tính bản chất của nó vẫn còn trừu tượng, và, rút cục, là không-bản chất, bởi bản chất chỉ là bản chất một cách cụ thể khi mang trong mình cái không-bản chất, tức trong quan hệ với cái không-bản chất. Vì thế, theo một nghĩa nào đó, *khả thể* là cái *bản chất đối với hiện thực* (*zur Wirklichkeit*), vì nó biểu thị mômen tự-tồn của sự phản tư-trong-mình của bản chất, và sự phản tư này rút cục là cơ sở cho *sự hiện hữu* hiện thực. Nhưng, vì lẽ bản chất hiện thực phải là nhất thể cụ thể (giữa sự phản tư của bản chất và sự trực tiếp của sự hiện hữu), khả thể là cái bản chất của hiện thực, nhưng theo nghĩa: đồng thời **chỉ** là khả thể (**nur** Möglichkeit / **only** possibility / **seulement** possibilité). *Chỉ là khả thể*, bản chất bộc lộ trong sự trừu tượng và khiếm khuyết của mình so với hiện thực toàn diện. Không có *tồn tại trực tiếp* thì bản chất tuyệt nhiên không có chân lý mà chỉ còn là một khả thể đơn thuần.

Phân Nhận xét cho §143

Ta chỉ lưu ý nhận xét sau đây:

- Là sự trừu tượng trống rỗng của sự phản tư-trong-mình, khả thể chính là *cái bên trong* đã gặp trước đây. Chỉ có điều, trong hiện thực, cái bên trong được xác định minh nhiên, trong khi khả thể đơn thuần – như là cái bên trong bị thái hồi – tức là cái bên trong khiếm khuyết, không-bản chất, và, do đó, là *bên ngoài* đối với hiện thực đích thực. Hiểu như thế, cái bên trong và cái khả hữu không phải là bản thân hiện thực mà chỉ là một phương diện hay một “*tình thái*” (*Mode*) không có sự bền vững của hiện thực. Nếu sự không-bền vững lôgic của khả thể thuần túy này được lý giải một cách *nhận thức luận*, thì khả thể được xem chỉ như là một tình thái của tư tưởng *chủ quan* chứ không phải một tính quy định khách quan của sự vật.

- Theo Hegel, Kant đã có công và có lý khi xếp “khả thể” vào hàng ngũ các phạm trù về *tình thái (Modalität)*. (Xem: Kant, PPLTTT, B266). (Kant viết: “Các phạm trù về tình thái có đặc điểm riêng là: chúng là các thuộc tính được *đưa thêm vào* cho những khái niệm; chúng không làm tăng lên [hay mở rộng] gì cho khái niệm nhằm xác định đối tượng cả, mà chỉ diễn tả *mối quan hệ của chúng với quan năng nhận thức mà thôi*”). Do đó, Kant còn viết tiếp: “Dù khái niệm của tôi về một sự vật đã hoàn chỉnh rồi, tôi vẫn có thể đặt câu hỏi: liệu đối tượng ấy chỉ *có thể có* hay *thực sự có*, và nếu thực sự có thì có *tất yếu* phải có hay không? Qua câu hỏi này, tôi không suy tưởng thêm về một quy định nào *trong bản thân* đối tượng mà chỉ tự hỏi: đối tượng ấy (cùng với tất cả những quy định của chúng) *quan hệ như thế nào* với giác tính”... Như thế, Kant xem “*khả năng, hiện thực, tất yếu*” đều là các “*tình thái*” của nhận thức chứ không phải của *bản thân sự vật*. Hegel chỉ đồng ý với Kant ở điểm thứ nhất (“*khả thể*” là *tình thái chủ quan*) còn cho rằng Kant đã sai lầm khi cho rằng “*hiện thực*” và “*tất yếu*” cũng chỉ là một mômen ý thể hay được thiết định. Theo Hegel, hiện thực và tất yếu không phải là *phương diện* (nhận thức luận) của hiện thực mà là bản thân hiện thực trong sự hoàn tất cụ thể của nó! Ở đây, thêm một lần nữa, ta thấy sự khác biệt về *chất* của hai “*mô hình*” tư duy giữa Kant và Hegel.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §144

2) Sự bất tất (ngẫu nhiên) (Zufälligkeit / contingency)

Sự bất tất và các phạm trù đi kèm được dành cho ba tiểu đoạn. Tiểu đoạn đầu (§144) cho thấy sự quá độ từ *hiện thực khả hữu [có thể có]* sang *hiện thực ngẫu nhiên*. Sự quá độ này có thể xét bằng hai con đường khác nhau (cùng dẫn đến một kết quả) bằng chữ “**hoặc**” ở giữa phần *Chính văn*.

- §143 đã xét hiện thực – như là sự đồng nhất – trước hết là khả thể và *chỉ là* khả thể. Nhưng, cái hiện thực sẽ còn gì nếu tước đi mômen phản tư-trong-mình (sự đồng nhất) vừa bản chất vừa không-bản chất? Cái hiện thực chỉ còn cách là phải *khác biệt* với khả thể, tức với sự phản tư-trong-mình đồng nhất của hiện thực. Vậy, bản thân cái hiện thực chỉ còn là hiện thực *trực tiếp cụ thể* như là “sự thống nhất đã trở thành trực tiếp của bản chất với sự hiện hữu” (§142), nhưng bị tước bỏ mômen *tính nội tại-bản chất*, nghĩa là, chỉ còn là cái *bên ngoài cụ thể*, cái *trực tiếp không-bản chất*. Cái *bên ngoài cụ thể* này là hơi hợt, vì khả thể bên trong của nó là *ở bên ngoài nó*. Trong chừng mực là sự khác biệt với khả thể của mình và với sự phản tư-trong mình, cái hiện thực không gì khác hơn là cái trực tiếp *không-bản chất*. Cũng hết như khả thể “*chỉ là*” khả thể trước đây, cái hiện thực mà chỉ là cái cụ thể bên ngoài và cái trực tiếp không-bản chất – so với hiện thực toàn diện – sẽ cũng “**chỉ là** một thực tại *bất tất, ngẫu nhiên*”, nghĩa là, một tồn tại hay một hiện hữu không có bề sâu bản chất và không có sự bền vững của riêng nó.

- Cái hiện thực mà đối lập lại với sự phản tư-trong-mình hay với khả thể của hiện thực (§143) sẽ thể hiện như là cái *bên ngoài thuần túy* và *không-bản chất*. Ta nhớ lại phép biện chứng ở §140: cái gì chỉ là một cái bên ngoài thì trước hết cũng *chỉ là* một cái bên trong, nghĩa là, (theo định nghĩa ở §138), sự trừu tượng trống rỗng của sự phản tư-trong-mình. Như thế, khi là một cái bên ngoài bị cắt đứt với tính bên trong của bản chất, cái hiện thực đồng thời là cái gì “*chỉ là*” bên trong theo định nghĩa trên. Rồi ở §143, ta nhớ rằng sự trừu tượng của sự phản tư-trong-mình là cái gì định nghĩa cái hiện thực như “một cái *chỉ là* khả hữu” (“als ein *nur* Mögliches” / “something *only possible*”). Với tính cách và giá trị của một khả thể đơn thuần như thế, cái hiện thực là một cái *NGẪU NHIÊN, BẤT TẤT* (*ein Zufälliges / a contingent*). Vì sao? Một thực tại ngẫu nhiên, bất tất (gốc latin: cadere: rơi rụng) là một thực tại mà số phận của nó là phải “rơi rụng” (zu fallen): cái ngẫu nhiên là một cái hiện thực được quy định như là “*chỉ có thể có*”, nghĩa là, ngược lại, *cũng có thể không có*. Nói ngắn, nó vừa *có-cơ sở* vừa *không-có cơ sở*. “Không-có cơ sở” vì không chứa đựng sự trung giới làm

cơ sở biện minh cho sự hiện hữu của nó. “Có-cơ sở” vì, với tư cách là sự phản tư-trong-mình trừu tượng, nó chỉ có cơ sở ở bên ngoài nó; nói khác đi, cái ngẫu nhiên không có cơ sở bên trong mà chỉ có một cơ sở bên ngoài, nơi một cái khác.

- Vấn đề ở đây là phải nhận ra *sự đồng nhất trực tiếp giữa khả thể thuần túy và sự bất tất*: khả thể (*chỉ là cái bên trong của hiện thực*) cũng *chỉ là* hiện thực bên ngoài hay sự bất tất. Để hiểu điều này, ta cần nhớ rằng đây là tư tưởng hiện thực của Logos trong hành vi tự-biểu lộ cái bản chất phủ định tạo nên bề sâu nội tại của nó. Nếu nắm lấy sự trừu tượng – bên ngoài sự vận động cụ thể của mọi sự phản tư bên trong –, Logos còn có thể là gì ngoài *khả thể thuần túy* của việc phát triển hiện thực của nó?

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §145

- Như đã thấy ở §142, hiện thực là sự thống nhất đã trở thành trực tiếp của bản chất và tồn tại-hiện hữu, của cái bên trong và cái bên ngoài. Trong sự thống nhất cụ thể của nó, bản chất và tồn tại hay cái bên trong và cái bên ngoài không gì khác hơn là các mômen ý thể hóa từ nay đã được thải hồi, giáng loại (hạ xuống cấp thấp hơn). Vậy, *trong hiện thực, bản chất chỉ còn là khả thể, còn tồn tại chỉ là cái gì ngẫu nhiên, bất tất. Khả thể là chân lý hiện thực của bản chất bên trong, còn sự bất tất, ngẫu nhiên là chân lý hiện thực của tồn tại bên ngoài*. Nói ngắn, khả thể và sự bất tất là bản thân các mômen của hiện thực, tức bản chất và tồn tại, cái bên trong và cái bên ngoài được *thiết định minh nhiên* như là các hình thức đơn thuần của hiện thực cụ thể.
- Việc quy định về khả thể và bất tất như là “các hình thức đơn thuần” *không* có nghĩa rằng chúng không có nội dung mà chỉ có nghĩa: trong sự trừu tượng chung của cả hai, chúng hoàn toàn có quan hệ với *nội dung* vốn bản thân không gì khác hơn là *sự đồng nhất cụ thể* của chúng (§141). Là các hình thức trừu

tượng, chúng chỉ mới tạo nên hai mômen tách rời nhau, ở ngoài nhau và ở ngoài sự đồng nhất chung của chúng, tức ở ngoài hiện thực cụ thể. Nói gọn lại, khả thể và sự bất tất – như là các hình thức đơn thuần của hiện thực cụ thể – chỉ tạo nên “*tính ngoại tại*” (*Äußerlichkeit / the externality / l’extériorité*) của cái hiện thực. Chúng không có trong bản thân chúng mômen bản chất của sự phản tư-trong-mình của chúng, hay nói đúng hơn, không gì khác hơn là sự biến động tuyệt đối do sự chuyển hóa trực tiếp của cái này sang cái kia, vừa khẳng định sự đồng nhất tuyệt đối lẫn sự đối lập triệt để của chúng. Chúng chỉ được quy định bởi tính tương quan lẫn nhau của chúng, nhờ vào sự phản tư-trong-cái khác. Vì thế, chúng chỉ có được sự phản tư-trong-mình thật sự và cần thiết là ở trong **nội dung**, tức sự đồng nhất cụ thể là nơi chúng chuyển hóa qua lại. Vậy, đối lập lại *tính ngoại tại*, cái *nội dung toàn diện* này chính là cái hiện thực được quy định **trong-mình** (*das in sich bestimmte Wirkliche / the actual that is determined within itself / l’effectif déterminé dans-soi*). Ta thấy: “cái hiện thực được quy định *trong-mình*” này dự báo **sự tất yếu** sẽ là phạm trù quan trọng và cao hơn của hiện thực.

- Thật thế, *cái tất yếu* là được quy định, tức được đặt cơ sở, nhưng trong chân lý của nó, nó chỉ được đặt cơ sở và được trung giới bởi *chính nó*, tức *trong-nó* (*in sich / within itself / dans-soi*), và đó sẽ là sự *tự-quy định* của Khái niệm.

Hegel tóm tắt: chính cái hiện thực được quy định *trong-mình* (tức cái nội dung của hiện thực) là “*cơ sở quy định mang tính bản chất*” (*wesentlicher Bestimmungsgrunde / the essential ground of determination / le fondement de détermination essentiel*) của hai hình thức của hiện thực là khả thể và sự bất tất.

- “*Tính hữu hạn*” của cái khả hữu và cái bất tất (ngẫu nhiên) – đối lập với tính vô hạn nội tại của cái tất yếu – là ở chỗ: “*sự quy định về hình thức*” (*Formbestimmung / Form-determinaiton / détermination formelle*) đối với hiện thực chỉ *tạm thời* khác biệt với bản thân nội dung đang triển khai tự-mình-và-cho-mình. Vậy, bảo cái gì đó là “*có thể có*” (khả thể)

và “ngẫu nhiên” thì không chỉ xét nó về mặt hình thức ở việc nó có mâu thuẫn hay không mâu thuẫn nội tại, trái lại, tất cả tùy thuộc vào *nội dung toàn diện* của hiện thực được hiểu trong toàn bộ những sự nối kết cụ thể của nó. **Chỉ** có nội dung này mới là “cơ sở quy định có tính bản chất” cho khả thể và sự bất tất, và cũng là “lý do tồn tại” (“raison l’être”) của cái khả hữu và cái ngẫu nhiên.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §146

- §146 bàn sâu hơn về nội dung *tư biện* của chữ “*tính ngoại tại*” (*Äußerlichkeit*) của hiện thực đã đặt ra ở §145. Chữ này rất quan trọng để hiểu được các tiểu đoạn tiếp theo về “*sự bất tất yếu*”.
- Ta đã có ba mômen của “hiện thực”: khả thể, sự bất tất và nội dung hiện thực. Ở một giai đoạn phát triển nhất định của hiện thực có mặt sự phân ly và *sự ngoại tại* đối với nhau giữa ba mômen này; vì thế, đây không chỉ là vấn đề nhận thức luận của một sự phản tư bên ngoài, trái lại, chủ yếu có ý nghĩa *bản thể học* về bản thân hiện thực. Bây giờ, ta xét ý nghĩa cụ thể của *tính ngoại tại* này liên quan đến *sự bất tất*, tức tính ngoại tại cố hữu của hiện thực.
- Trước hết, “*tính ngoại tại*” có nghĩa: sự bất tất – khi nó còn tạm thời “ở ngoài” nội dung toàn diện của hiện thực (mà nó là một mômen cấu tạo) – chỉ có sự phản tư-trong-mình của nó không phải trong chính nó mà trong nội dung này. Ta đã thấy ở §144, cái bất tất (ngẫu nhiên) là cái hiện thực trực tiếp, và sự bất tất là hiện thực trực tiếp. Với tư cách là hiện thực trực tiếp, sự bất tất là đồng nhất với chính nó và không có cơ sở. Nhưng, do sự bất tất chỉ có sự phản tư-trong-mình là ở trong nội dung (mà nó vẫn còn ở bên ngoài), nó chỉ là sự đồng nhất với chính nó như là *tồn tại-được-thiết định*, nghĩa là, như tồn tại được trung giới và có tính tương quan (§116). Tóm lại, *tính ngoại tại* của hiện thực trước hết là sự bất tất – với tư cách là hiện thực

trực tiếp – chỉ đồng nhất với chính nó như là *tồn tại-được thiết định*.

- Nhưng, mặt khác, *tính ngoại tại* của hiện thực còn có hậu quả thứ hai: tồn tại-được thiết định ở đây không còn là một mômen thuần túy ở bên trong bản chất như ở cấp độ phản tư thuần túy của bản chất nữa (§116) mà là một mômen *ngoại tại* của bản chất-hiện thực, có một sự bền vững trực tiếp. Nói cách khác, “tồn tại-được-thiết định” ở đây thực sự là một “tồn tại”, như *một thực tại ở bên ngoài được xác định một cách trực tiếp* (*eine daseiende Äußerlichkeit / an externality that is there / une réalité extérieure immédiatement déterminée*). Ở đây, ta gặp lại sự mâu thuẫn nội tại của sự bất tất (vừa có cơ sở vừa không có cơ sở), hay, rộng hơn, sự mâu thuẫn của bản chất vốn là sự nối kết bất toàn giữa sự trực tiếp và sự trung giới (xem lại: §114). Ta có kết quả thứ hai: *tính ngoại tại* của hiện thực chỉ đồng nhất với chính nó như một tồn tại-được-thiết định, những cái được-thiết định ấy cũng đồng thời *được thả hồi* và, vì thế, là một tính ngoại tại đang *tồn tại-hiện có* (*daseiende / being-there / étant-là*). Tại sao?
- Có thể giải đáp như sau: Từ khi Ý niệm lôgic hiện thực là Ý niệm đã kinh qua và hội nhập mômen của “*sự hiện hữu*”, thì mọi vận động của sự trung giới làm công việc “*thả hồi*” luôn gắn liền với việc hướng tới *sự trực tiếp* (§122), nghĩa là: mọi mômen được thiết định trong và bởi bản chất-hiện thực đều được thiết định trong nó và bởi nó như là *không-được-thiết định*, tức, có được *sự hiện hữu trực tiếp*. *Hiện thực* há đã không được định nghĩa là sự thống nhất giữa bản chất và sự hiện hữu đó sao? (§142)?
- Vậy, cương vị này của sự *trực tiếp* – không ngừng được tái sinh trong lòng của sự phản tư của bản chất – nay được suy tưởng một cách mới mẻ ở cấp độ của *sự bất tất* hiện thực. Có thể tóm tắt sự nghịch lý của sự trực tiếp bất tất ngay trong lòng hiện thực bằng một chữ: sự bất tất thể hiện ở đây như là **một cái được “tiền-giả định”** hay **“được thiết định tiên quyết”** (*ein Vorausgesetztes / something-presupposed / “présupposé”*). Trong chữ này, tiền tố “*Voraus*” (“*tiền*”, “*tiên*”) được

hiểu như là một sự phủ định đối với chữ “giả định”, “thiết định” (*Gesetztes*). Với tư cách là cái gì được “thiết định”, “giả định” đơn thuần, nó là cái gì được trung giới, có tính tương quan (relativ), còn với tư cách là cái gì “tiên”, “tiên”, nó là cái gì “cho-mình”, độc lập-tự tồn, có trước mọi sự tương quan và ở bên ngoài sự tương quan. (Chú ý: ở đây chữ này *chưa* có nghĩa mục đích luận, chỉ xuất hiện từ §203!). Vậy, tính phức tạp của sự bất tất là ở chỗ kết hợp hai phương diện mâu thuẫn của “tiên-giả định tiên quyết”.

- Nói rõ hơn, sự bất tất là một *tồn tại-hiện có trực tiếp* vì nó được “*tiên-giả định tiên quyết*”, nghĩa là, đi trước thực tại toàn diện mà nó là cái được tiên-giả định, là một mômen trung gian. Nhưng, “*đồng thời*”, cái tồn tại-hiện có trực tiếp ấy là một **khả thể**, có nghĩa, với tư cách được tiên-giả định (*thiết định*), nó mất đi sự tự tồn, bị trung giới và bị đặt vào mối tương quan, nói khác đi: cái gì là *khả hữu* (có thể có) là tương quan với hiện thực cụ thể mà nó là *khả thể*, là cái tiên-giả định của hiện thực ấy. Tất nhiên, khả thể nói ở đây không còn là khả thể *trừu tượng* ở §143, mà là **khả thể cụ thể** của §144, tức một hiện thực (tuy là “có thể có”, do đó, là “bất tất”) nhưng *cũng* chính là hiện thực.
- Song, với tư cách là khả thể, tồn tại trực tiếp của sự bất tất được “*tiên-giả định*” vẫn còn là một *vẽ ngoài* và một tồn tại-được-thiết định, hoàn toàn có mối tương quan với tính toàn thể của hiện thực cụ thể. Vì thế, cái tồn tại-trực tiếp này có *sự quy định hay số phận* (*Bestimmung / destination*) là phải bị thải hồi và do đó, là khả thể không phải của chính mình mà của một cái khác, tức của hiện thực toàn diện mà nó chỉ là một mômen, hay, chính xác hơn, là *ĐIỀU KIỆN* (*Bedingung / condition*). Vậy, “*điều kiện*” là gì? Đó là một “*khả thể đang đơn thuần tồn tại*”, hay một “*hiện thực được tiên-giả định*” theo cả hai nghĩa nói trên của chữ “*vorausgesetzt*” / “*presupposed*”: một tồn tại-hiện có hay một cái đang hiện hữu trực tiếp được tiên-thiết định để “*điều kiện hóa*” hiện thực toàn diện như là một “*điều kiện tiên quyết*”, nhưng *số phận* của nó là phải được thải hồi đi để phục vụ cho việc hiện thực hóa cái thực tại cụ thể mà nó vốn *chỉ* là “*điều kiện được tiên-thiết định*”. Tóm lại, tồn tại

của điều kiện *đi trước* bản chất-hiện thực được điều kiện hóa, nhưng chỉ để “tiêu biến”, “chìm đắm” trong bản chất ấy. Tồn tại trực tiếp của *sự bắt tất* có chân lý hay sự thật của nó ở trong *điều kiện*.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §147

3. Sự tất yếu (Notwendigkeit / necessity / nécessité)

- Hegel dành ba tiểu đoạn có chất lượng tư biện rất cao để bàn về *sự tất yếu*. §143 trước đây đã bàn về *hiện thực* như là sự *đồng nhất* và, trước hết, như là *khả thể* và “*chỉ là*” khả thể. §144 cho thấy, trong *sự khác biệt* với sự phản tư-trong-mình của khả thể, bản thân cái hiện thực *chỉ là* cái *bắt tất* (*ngẫu nhiên*) bên ngoài và không-bản chất. Tiểu đoạn §147 này sẽ xem *sự tất yếu* là mômen *tối cao* của hiện thực, – khi đã trở thành *cơ sở hiện thực* của chính mình – dẫn đến sự thống nhất hai mômen của tính ngoại tại nói trên.
- *Khả thể* và *bắt tất* là hai mômen hình thức cấu thành *tính ngoại tại* của cái hiện thực. Ở §146, ta đã thấy tính ngoại tại này phát triển thành *điều kiện*, tức, một sự *bắt tất* là *khả thể* của một cái bắt tất khác, và cứ thế đến vô tận. Như thế, tính ngoại tại “*đã phát triển*” này là *một vòng tròn* được tạo nên bởi các quy định của khả thể và hiện thực trực tiếp (hay bắt tất). Đây là lần đầu tiên mà các quy định đối lập (khả thể-bắt tất) có thể tạo nên một *vòng tròn*, tức chuyển hóa sang nhau theo đường vòng tròn quay lại với chính mình. Ý nghĩa sâu xa của nó là: chỉ với *hiện thực*, sự thể hiện của Tư tưởng (Lôgíc) trong cái khác trực tiếp *của nó* mới được thiết định minh nhiên như là “*năng lượng*” của nó và “*sự biểu lộ chính mình*” của nó chứ không phải của một cái khác (xa lạ).
- Nói rõ hơn, “vòng tròn” của tính ngoại tại-đã-phát-triển được hình thành từ sự *trung giới* qua lại của khả thể-bản chất và hiện thực-bắt tất-trực tiếp. Sự trung giới này tác động cụ thể thông

qua điều kiện “tiên-quyết” của hiện thực. Điều kiện là một hiện thực trực tiếp và được *tiên*-giả định nhưng bản thân nó là điều kiện cho một cái hiện thực khác v.v... Cái vòng tròn vô tận này của sự trung giới, nói ngắn, chính là *KHẢ THỂ HIỆN THỰC nói chung* (*reale Möglichkeit überhaupt / real possibility in general / possibilité réelle en général*). Thật thế, chuỗi các điều kiện không còn quy định một khả thể hình thức (chỉ được định nghĩa bằng sự phản tư-trong-mình và sự đồng nhất trừu tượng của một thực thể không mâu thuẫn). Với tư cách là các hiện hữu trực tiếp, các điều kiện của cái gì đó có một tồn tại-hiện có, tức một *thực tại* (§91): chúng tạo nên một *khả thể hiện thực*. Theo nghĩa đó, khả thể hiện thực của một sự vật nào đó là tổng thể những điều kiện đang có làm cho sự vật trở thành có thể có một cách thực sự chứ không chỉ có thể có một cách trừu tượng. Vậy, với tư cách là được *thiết định*, các điều kiện tạo nên khả thể của hiện thực, còn với tư cách là *tiên quyết*, chúng bảo đảm thực tại của khả thể này, biến nó thành một khả thể hiện thực.

- Khi thiết lập một sự luân phiên không ngừng nghỉ giữa khả thể và hiện thực trực tiếp, các điều kiện đưa vào trong hiện thực một sự kết nối theo kiểu móc xích bất tận. Nhưng, vì lẽ sự phản tư này khép kín trong *tính vô hạn đúng thật* của một vòng tròn, nên tính ngoại tại-đã-phát triển của hiện thực quay lại trong hiện thực toàn diện và, vì thế, không chỉ là khả thể hiện thực *nói chung* mà là *tính toàn thể* của *bản chất*, và, là *nội dung* (§133). Đã được phát triển trong nội dung toàn diện của hiện thực, tính ngoại tại – tức tổng thể những điều kiện cấu thành khả thể hiện thực – không còn là “tính ngoại tại” thô thiển của hiện thực mà là tính ngoại tại đã hoàn toàn được phát triển, hay, theo chữ dùng của Hegel, là *SỰ VIỆC được xác định tự-mình-và-cho-mình* (*die an und für sich bestimmte Sache / the Matter [i.e, thing in question] that is determined in and for itself / la Chose déterminée en et pour soi*) (ta viết hoa để phân biệt với “sự vật” / *Dinge* ở §125). SỰ VIỆC là gì? Không gì khác hơn là bản thân hiện thực trong tính toàn thể của nội dung của nó: từ nay, nó là cái hiện thực có sự vô hạn đúng thật, nghĩa là có *mọi* quy định của nó ở trong chính nó và, do đó, được xác định “tự-mình-và-cho-mình”.

- Tuy nhiên, nội dung toàn diện của Sự việc, xét như là nội dung, không phải là *toàn bộ* của hiện thực! Tính ngoại tại đã hoàn toàn phát triển vẫn còn chứa đựng *sự khác biệt* giữa các quy định (cái bên trong và cái bên ngoài). Dựa theo mômen này của sự “khác biệt” giữa các quy định nội tại, tính ngoại tại đã phát triển của hiện thực là *HÌNH THỨC*, tức, là mômen phủ định của Sự việc trong chừng mực mômen ấy đối lập lại với sự đồng nhất ổn định của nội dung của nó. Tất nhiên, đây không còn là hình thức trừu tượng trước đây giữa Quan hệ và hiện thực, còn phân ly thành một sự đối lập *chưa được hòa giải*, mà là hình thức toàn diện, là tính toàn thể cụ thể của *hình thức* không còn là sự phân chia trừu tượng thành cái bên trong và cái bên ngoài mà là sự chuyển hóa trực tiếp của hai cái này sang nhau.
- Vậy, trong tổng thể của hiện thực, nếu *điều kiện* thuộc về mômen bên ngoài của sự hiện hữu trực tiếp, và *Sự việc* là mômen bên trong của nội dung-bản chất thì tính toàn thể của hình thức hiện thân cho tính năng động của bản thân việc *hiện thực hóa*, của “năng lượng tích cực và hiện thực”. Sự tự-vận động này của hình thức (dies sich Bewegen der Form / this self-movement of the form / l’automouvement de la forme) là sự *HOẠT ĐỘNG* (*Tätigkeit* / *activity* / *activité*). Sự *Hoạt động* này là sự hiện hữu độc lập-tự tồn của tính toàn thể phủ định của hình thức vừa tác động lên *Sự việc* vừa lên *các điều kiện* của nó, và, hành động trên chúng theo kiểu chuyển hóa trực tiếp cái bên trong thành cái bên ngoài và cái bên ngoài thành cái bên trong.
- Sự *hoạt động* này không còn là một vận động *thuần túy* của việc tự-biểu lộ mà là một vận động nối kết cụ thể với Sự việc và các điều kiện của nó. Vì thế, *hoạt động* của hình thức cũng đồng thời là *hành động hiện thực hóa* (*Betätigung* / *actuation*) của Sự việc và của các điều kiện của nó.
- Việc hiện thực hóa các điều kiện bằng hoạt động phủ định của hình thức là sự kết hợp sự phản tư-trong-mình của chúng và sự tự thái hồi của chúng (ihr Sichaufheben) để hướng đến một

hiện thực khác, tức, hiện thực của *Sự việc* vốn là bản chất nền tảng tự hiện thực hóa nhờ chúng và qua chúng. Sự chuyển hóa qua lại của cái bên trong và cái bên ngoài, của khả thể và hiện thực-bất định, qua đó *thực tại* của các điều kiện chuyển hóa một cách hiện thực thành *khả thể* của *Sự việc*, trong khi *khả thể* của các điều kiện cũng như của *Sự việc* (cả hai cái này là khả thể hiện thực nói chung) chuyển hóa thành *hiện thực* mới mẻ như là kết quả của một tiến trình toàn diện. Tiến trình vận động này của khả thể hiện thực – là nơi khả thể và hiện thực chuyển hóa sang nhau – chính là tiến trình của *sự TẮT YẾU*.

- Thật thế, khi *mọi điều kiện* đã có mặt (dù xét riêng lẻ, mỗi điều kiện là bất tất) thì *Sự việc* **phải** tất yếu trở thành hiện thực bằng cách hấp thu các điều kiện của nó và tự hiện thực hóa thông qua chúng, nói cách khác, bằng một sự phủ định, vạch rõ sự khiếm khuyết của các điều kiện lẫn của *Sự việc*. Vì bản thân *Sự việc* – xét một cách trừ tượng – cũng chỉ là một trong những điều kiện, nghĩa là: bản thân cái bên trong chỉ là một cái gì được *tiền-thiết định* trong quan hệ với hiện thực toàn diện.
- Tóm lại, hiện thực *đã phát triển* là *sự tất yếu*, vì nó chuyển hóa và “hội tụ thành *Một* tiến trình duy nhất” (in Eins fallende / united into One mouvement / ”tombant en Un”) cái bên trong và cái bên ngoài, khả thể và hiện thực, *Sự việc* và các điều kiện của nó.

- Phần Nhận xét cho §147

- Theo cách nói thông thường, ta nói rất đúng khi bảo rằng sự tất yếu là sự đồng nhất giữa khả năng và hiện thực. Tuy nhiên, nếu chỉ nói đơn giản như thế, nghĩa là nếu cắt rời sự tất yếu ra khỏi *tiến trình* hình thành và sự triển khai của nó, thì định nghĩa trên, tuy đúng, vẫn còn rất hời hợt và do đó, là cái gì hết sức “khó hiểu”. Hơn nữa, khái niệm về “sự tất yếu” là khái niệm rất khó bởi nó chính là bản thân Khái niệm mà sự phức tạp được hợp nhất lại của nó sẽ chứa đựng – như ta sẽ thấy – vừa một sự *phân biệt hoàn hảo*, vừa một sự *trôi chảy tuyệt đối* của cả ba mômen (của Khái niệm đúng nghĩa), đó là: tính phổ biến, tính đặc thù và tính cá biệt (§§160-163). Cả ba mômen

này đã có mặt trong sự tất yếu: Sự việc (bản chất), điều kiện (tồn tại) và sự hoạt động (Khái niệm đúng nghĩa), nhưng chỉ mới hiện diện như là các hiện thực trực tiếp có sự hiện hữu độc lập-tự tồn và còn thiếu sự “*trong suốt tuyệt đối*” hỗ tương tạo nên sự tự do của Khái niệm. Dù có sự hạn chế ấy, nhưng Khái niệm đích thực vẫn không còn xa lắm, bởi các mômen nói trên không còn là các nội dung ổn định, mờ đục mà được nắm bắt như là các *hình thức phủ định, bị thải hồi*, có tính “*tương đối*” / “*tương quan*”, nghĩa là có “*số phận*” là phải chuyển hóa sang cái khác của chúng trong một sự trong suốt và liên tục, báo hiệu sự trôi chảy của Khái niệm.

Do tầm quan trọng của chúng, Hegel dành thêm hai tiểu đoạn để đi sâu vào chi tiết đối với ba mômen cấu thành nói trên của sự tất yếu.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §148

Là bản thân *tính tiến trình*, sự tất yếu, như đã thấy, bao hàm ba mômen: *điều kiện (tồn tại)*, *Sự việc (bản chất)* và *hoạt động (Khái niệm)*. Bây giờ, xét kỹ từng mômen.

1. Điều kiện:

- a) Là “*tiền-giả định tiên quyết*” (*Vorausgesetzte / presupposed / présup-posé*): trong chừng mực chỉ là một cái được “*thiết định*” (*gesetzt / posed / posé*), như đã thấy, nó *quan hệ* với Sự việc, nhưng, trong chừng mực là “*tiền*”, “*tiền quyết*” (*Voraus / présup-*), nó là “*cho-mình*” như là cái trực tiếp độc lập-tự tồn, là một tình huống ngẫu nhiên, ngoại tại, không quy chiếu đến Sự việc. (So sánh: mỗi phạm trù của Sự việc tối cao = Ý niệm lôgic vừa *quan hệ* với Ý niệm mà nó chỉ là một mômen “*được thiết định*”, đồng thời, vừa có một sự độc lập-tự tồn mà, xét cô lập, là một cái “*tiền-quyết*” bất tất và ngoại tại của Ý niệm, có vẻ như không hề quy chiếu đến Ý niệm).

Tuy nhiên, ngay trong lòng bản thân sự bất tất này, điều kiện-tiên quyết rút cục cũng phải quy chiếu đến Sự việc (vốn là tính toàn thể), nên cái tiên quyết này là một *vòng tròn hoàn chỉnh của những điều kiện*. Nói khác đi, vòng tròn hoàn chỉnh của những điều kiện *mặc nhiên* đồng nhất hóa với khả thể hiện thực của Sự việc (cũng giống như thế, tổng thể hoàn chỉnh của những điều kiện lôgic của Ý niệm, tự chúng là bất tất, đều quan hệ với Ý niệm như là chất liệu của Ý niệm).

- b) Nhưng, các điều kiện không tự giới hạn ở việc làm cái “tiền-giả định” tĩnh tại của hiện thực tất yếu mà còn được tác động bởi *hoạt động* của hình thức nhằm hiện thực hóa Sự việc. Với cách ấy, các điều kiện là *bị động*, được sử dụng cho Sự việc như là chất liệu và, qua đó, đi vào trong *nội dung* của Sự việc. Sau cùng, như là vòng tròn hoàn chỉnh của các điều kiện, chúng chứa đựng khả thể hiện thực toàn diện của Sự việc, phù hợp một cách tiên thiên với nội dung của Sự việc, nghĩa là, ngay từ trước, đã chứa đựng *toàn bộ sự quy định của nội dung* (giống như các phạm trù đều chứa đựng ngay từ trước Ý niệm lôgic).

2. Sự việc:

- a) Cũng là *một* cái tiên-giả định: trong chừng mực là “được thiết định”, nó ở trong quan hệ với việc hiện thực hóa ra bên ngoài của nó và chỉ còn là một cái bên trong và một cái khả hữu không bền vững; nhưng, trong chừng mực là cái “tiên quyết”, nó là một *nội dung* độc lập-tự tôn. Sở dĩ Sự việc chỉ mới là *một* cái tiên-giả định vì chỉ duy có hiện thực mới là bản thân sự “tiền-giả định”, vì nó không phải được thiết định “*về bản chất*”, mà cũng không phải được tiên-giả định một cách “*trực tiếp*”, trái lại, là cái gì tự triển khai một cách tuyệt đối, gần gũi với “*Khái niệm*” vốn là bản thân sự hoạt động của hình thức và kết quả của nó (Sự việc) được hiện thực hóa một cách khách quan và chung cuộc.

(Ví dụ so sánh: Ý niệm Lôgic – như là “*Sự việc*”, “*bản chất*” – phải tự hiện thực hóa thông qua các phạm trù làm *điều kiện* cho nó và nhờ vào *hoạt động* của Tư duy suy tưởng về chính mình).

- b) Nhưng, Sự việc cũng không tự giới hạn ở chỗ là *một* tiên-giả định tĩnh tại của hiện thực tất yếu; trái lại, như đã thấy, nó được tác động bởi hoạt động của hình thức làm công việc hiện thực hóa nó bằng cách “*hy sinh*” những điều kiện trực tiếp và bất tất. Bằng cách ấy, – tức qua việc sử dụng các điều kiện của sự hiện hữu bên ngoài của nó –, Sự việc có được sự hiện thực hóa các quy định của nó về nội dung, làm cho những quy định tương ứng tất yếu với các điều kiện cũng như làm cho các điều kiện tương ứng về bản chất với nội dung của Sự việc, và cũng thế, Sự việc chỉ tự chứng tỏ là Sự việc khi xuất phát từ các điều kiện và đến từ các điều kiện.

3. Hoạt động:

- a) Cũng giống như Sự việc và các điều kiện của nó, hoạt động cũng có một sự hiện hữu trực tiếp, chẳng hạn, một *con người* (có sự hiện hữu trực tiếp) mà hành động của người ấy cho phép hiện thực hóa một công trình, hay một *tính cách* có sức mạnh hoàn thành một nhiệm vụ, hoặc một nhà Lôgic học có sự phản tư để tiến hành Ý niệm lôgic v.v... Trong khi Sự việc chủ yếu là cái làm công việc tiên-giả định, nhưng ở phương diện nào đó, lại cũng là một cái được tiên-giả định, thì hành động là *bản thân* hành vi tiên-giả định nên Sự việc và các điều kiện cũng như là bản thân sự vận động phủ định chúng bằng cách thiết định chúng và qua đó, tạo nên hiện thực tất yếu. Tuy nhiên, dù là kẻ tiên-thiết định Sự việc và các điều kiện, hoạt động đồng thời chỉ có được khả thể hiện thực ở trong các điều kiện và trong Sự việc.
- b) Nhưng, hoạt động không tự giới hạn mình ở việc chỉ là một sự hiện hữu trực tiếp, độc lập-tự tồn; cái tồn tại-hiện có này chỉ là chỗ dựa cho sự vận động. Do đó, như đã

thấy, hoạt động không gì khác hơn là việc hiện thực hóa Sự việc và các điều kiện của nó; nó là vận động bền vững nhằm chuyển hóa các điều kiện vào trong Sự việc, và chuyển hóa Sự việc vào trong các điều kiện như là vào trong phương diện của sự hiện hữu bên ngoài của nó. Nhưng, việc “chuyển hóa” không có nghĩa là có một sự “dị tính” về nội dung giữa Sự việc và các điều kiện. Thật thế, các điều kiện không gì khác hơn là khả thể hiện thực của Sự việc, còn Sự việc vốn đã có mặt từ trước ở trong chúng. Cho nên, hoạt động đúng hơn là vận động bền vững chỉ làm việc thiết định Sự việc *ra bên ngoài*, nghĩa là, làm cho Sự việc vốn có mặt một cách mặt nhiên, *tự-mình* ở trong các điều kiện đi ra khỏi chúng. Bằng cách phủ định sự hiện hữu trực tiếp của các điều kiện của nó mà Sự việc – vốn khả hữu và nội tại – tự phủ định mình trong tính ngoại tại, và tính ngoại tại này làm cho Sự việc trở nên hoàn toàn hiện thực.

- Vậy, sự tất yếu không gì khác hơn là bản thân tiến trình của cả ba mômen cấu thành nó. Tuy nhiên, khác với nơi Khái niệm, ở đây, các mômen này chưa hoàn toàn *trong suốt* đối với nhau cũng như đối với tiến trình của sự tất yếu. Mỗi cái vẫn còn có sự độc lập-tự tồn cho riêng mình như là một hiện thực *trực tiếp*. Vì thế, một cách nào đó, tiến trình vận động của sự tất yếu vẫn còn xa lạ và ngoại tại đối với chúng. Trong chừng mực ba mômen này còn mang hình thức của sự tự tồn đối với nhau, tiến trình này thể hiện ra như là sự *TẤT YẾU BÊN NGOÀI* có tính mù quáng và cưỡng chế như là định mệnh hay số phận. Sự *tất yếu bên ngoài* có đặc điểm gì?
- Theo Hegel, sự tất yếu bên ngoài có *một nội dung bị hạn chế* làm Sự việc của nó. Từ §133, ta biết rằng *nội dung* là quan hệ đồng nhất với mình, là nơi mà một tập hợp nào đó đông đặc lại như là hoàn toàn được xác định và tạo nên một toàn thể đơn giản. Thế mà *Sự việc* chính là “vòng tròn” hoàn toàn được xác định của các điều kiện của nó, và, do đó, là *nội dung* tất yếu được xác định tự-mình-và-cho-mình (§147). Nói ngắn, *Sự việc* là cái toàn bộ như là

nội dung đơn giản và ổn định. Thế nhưng, cái toàn bộ của hiện thực-tất yếu, trong hình thức của nó, là ở bên ngoài nó, vì nó chỉ tự khẳng định trong sự tất yếu của nó khi *dựa vào* việc phủ định các hiện thực-bất tất giữ vai trò là các điều kiện: điều này có nghĩa rằng sự tất yếu của Sự việc không ở trong bản thân Sự việc mà ở trong các điều kiện của nó, và như thế, là một sự tất yếu *bên ngoài* đối với Sự việc. Sự hữu hạn hình thức của sự tất yếu này là ở chỗ: sự tất yếu dựa vào một cái tiên-giả định bất tất làm điểm xuất phát cho việc hiện thực hóa và việc quay về với chính mình. Sự tất yếu (bên ngoài) ấy chỉ được giải phóng khỏi sự bất tất và tính ngoại tại này trong chừng mực nó là sự tất yếu *tự-quy định* chính bản thân nó (như ở §149 tiếp theo đây).

- Trong khi chờ đợi, *sự tất yếu bên ngoài* vẫn còn là hữu hạn về hình thức vì nó không xuất phát từ bản thân nó mà từ khả thể hiện thực của nó, nghĩa là, xuất phát từ cái *vòng tròn* này của những quy định về khả thể và sự bất tất, tạo nên *tính ngoại tại* của hiện thực (§§145-147). Là “bên ngoài” với mình trong *hình thức*, cái toàn bộ cũng là “bên ngoài” với mình ở *trong chính mình*, nghĩa là cũng là “bên ngoài” với chính mình trong *nội dung*, vì nội dung này không gì khác hơn là bản thân cái toàn bộ với tư cách là Sự việc ổn định và đồng nhất với mình. Ở cấp độ này của bản thân Sự việc, tính ngoại tại – do sự hạn chế về nội dung – quay về một nội dung hữu hạn khác. Cũng hết như thế, khi bản thân Ý niệm – trong chừng mực xuất hiện một cách tất yếu như là Tồn tại, Bản chất, Khái niệm và Khách thể (như sẽ thấy), tức như những “tiên-giả định” vốn bất tất nếu xét tách rời, cô lập, thì không chỉ bị hạn chế về mặt hình thức trong sự tất yếu của nó (do sự khiếm khuyết của việc tiên-giả định này) mà còn bị hạn chế ở cấp độ *nội dung tất yếu*, do đó, mới chỉ là Ý niệm của đời sống thông thường chứ chưa phải Ý niệm-tuyệt đối.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §149

- Định nghĩa về sự tất yếu ở hai đoạn trên đây (§§147-148) cho phép ta bắt đầu nhận diện được sự tất yếu của Khái niệm, ít ra về mặt tiềm năng. Thật thế, cuối §147 đã cho thấy, trong sự tất yếu, mômen hoàn tất của hiện thực là nơi các vận động đối lập của Sự việc và của các điều kiện hội tụ và đồng nhất hóa thành *Một* vận động (duy nhất). Là *Một* vận động, sự tất yếu là *Một* bản chất đồng nhất với mình, không còn là bản chất trừu tượng (là sự phản tư thuần túy hình thức) mà là bản chất với tư cách một Sự việc được xác định tự-mình-và-cho-mình, nói ngắn, là bản chất *đầy nội dung*. Bản chất, theo định nghĩa, là một vận động của sự phản tư, tức *ánh hiện* trong mình. Nhưng, như là bản chất “*đầy-nội dung*”, nghĩa là đã hòa giải với sự trực tiếp của tồn tại, nó ánh hiện trong mình theo kiểu: các sự khác biệt của nó không còn là các quy định thuần túy của sự phản tư mà, như đã thấy ở §148, là hình thức trực tiếp của “*những cái hiện thực độc lập-tự tồn*” (“*die Form selbständiger Wirklicher / the form of independent actualities / la forme immédiate ou étante de réalités effectives autosubsistantes*): các điều kiện, Sự việc và hoạt động, tất cả chúng đều có một sự hiện hữu “cho-mình”. Tóm lại, sự tất yếu là *Một* bản chất đồng nhất với mình, nhưng đầy nội dung, ánh hiện trong mình theo kiểu các sự khác biệt đều có hình thức của các cái hiện thực độc lập-tự tồn. (Định nghĩa này gần giống với định nghĩa về Khái niệm ở §§158-159 sắp tới). Nói khác đi, sự tất yếu là *sự hòa giải* tuyệt đối của bản chất và tồn tại nhưng còn ở dạng *tiềm năng, tự-mình*. Để cho sự tất yếu biến thành Khái niệm, cần thiết định *minh nhiên* và vạch rõ sự đồng nhất-bản chất nối kết các mômen hiện thực-tự tồn của sự tất yếu, để cho phép bản chất chỉ ánh hiện *trong-chính-mình* ngay trong sự ánh hiện. Nói rõ hơn: sự thống nhất tuyệt đối giữa bản chất-đồng nhất và tồn tại trực tiếp (tức giữa Sự việc và các điều kiện của nó) đã có mặt một cách *tự-mình*. Nhưng, sự đồng nhất này không chỉ ở trong sự đồng nhất của nội dung giữa Sự việc và các điều kiện của nó giữa lòng sự tất yếu như là “Bản chất đầy nội dung”. Cái đồng nhất ấy đồng thời – và đây là chỗ “*dự báo*” cho Khái niệm – còn là tính phủ định, như là *hình thức* tuyệt đối, nghĩa là, như là *hoạt động* chuyển hóa bản chất thành tồn tại và tồn tại thành bản chất,

chuyển hóa Sự việc khả hữu-hiện thực thành sự trực tiếp, chuyển hóa các điều kiện thành những mômen khả hữu của bản chất-hiện thực, hay, nói khái quát, là hoạt động làm hai việc:

- a) thái hồi sự trực tiếp (các điều kiện bất tất), biến nó thành một tồn tại-được trung giới, tức thành *điều kiện* từ nay là mômen được bản chất hóa hay để cho Sự việc tiếp thu nó, và,
- b) thái hồi sự trung giới (của Sự việc như là cơ sở và hoạt động như là việc hiện thực hóa) bằng cách biến nó thành một sự trực tiếp, tức, sự trực tiếp của *Sự việc* đã đạt tới sự hoàn tất hiện thực.

Kết quả trực tiếp của tiến trình này sẽ không còn là “*sự* tất yếu” mà là **cái** tất yếu (**das** Notwendige / **the** necessary / **le** nécessaire) hay cái gì có tính tất yếu. Nửa sau của *Chính văn* phát triển tiếp tục *các nghịch lý* của hiện thực tất yếu.

- Khi nghe nói một thực tại gì đó là “tất yếu”, ta hỏi ngay: “tại sao?” Câu hỏi có lý vì cái tất yếu là kết quả của một sự trung giới, nghĩa là nhờ vào một *cái khác* và bởi một *cái khác*. Cái “khác” làm nhiệm vụ trung giới này chính là tổng thể cả ba mômen cấu thành của sự tất yếu: *Sự việc*, *hoạt động* và *điều kiện*. Nhưng, bộ ba trung giới này của cái tất yếu phân hóa theo đặc điểm riêng của mỗi mômen:
 - a) thành cái *cơ sở làm trung giới*, tức *Sự việc* trong *hoạt động* hiện thực hóa;
 - b) thành một hiện thực *trực tiếp*, tức một cái bất tất là khả thể *hiện thực* của cái tất yếu, và, do sự trực tiếp ấy, thực sự là *khả thể* của sự tất yếu, đồng thời là *điều kiện* cho sự tồn tại của nó.
 - c) Với tư cách là cái gì tồn tại “nhờ vào cái khác”, “bởi cái khác”, cái tất yếu không phải là một thực tại tự lập, không “tự-mình-và-cho-mình” mà chỉ là một cái tất yếu đơn thuần

được “*thiết định*” (tức ở trong mối tương quan và được trung giới). Điều này rõ ràng là *nghịch lý* trong chừng mực ta chờ đợi ở cái tất yếu là cái gì tự lập, tự túc tự mãn chứ không phải phụ thuộc hay được trung giới bởi một cái *khác*. Khi cái tất yếu chỉ được thiết định bởi một cái khác, thì *sự tất yếu* (*Notwendigkeit*) của nó chỉ còn là sự “quần bách” và sự “*thiếu thốn*” (*Not*) cái khác.

- Thế nhưng, sự trung giới này của cái tất yếu – tự bản thân nó và một cách toàn bộ – là sự thái hồi chính nó! Thật thế, cơ sở trung giới – tức Sự việc – và điều kiện bất tất (có-điều kiện) cũng là một sự trung giới của cái tất yếu, đều được chính *hoạt động* chuyển hóa cả hai thành sự trực tiếp, nói khác đi, sự trực tiếp này của cái tất yếu-hoàn tất và kết quả của chính hành động hiện thực hóa mang tính trung giới của nó. Qua đó, cái “*tồn tại-được thiết định*” phiên diện của cái tất yếu nói ở trên đã bị thái hồi để trở thành *hiện thực trực tiếp*. Hay nói cách khác nữa, bản thân cái tồn tại-được thiết định của cái tất yếu cũng “*bị-thiết định*”, nghĩa là, bị trung giới bởi *việc thái hồi* sự trung giới; do đó, Hegel bảo: tính đơn giản trực tiếp của Sự việc tất yếu là “*tập hợp chung lại với chính mình*” (*mit sich selbst zusammengegangen / has gone together with itself / l'est rassemblée avec soi-même*).
- Trong sự trung giới đang phai tàn thành sự đơn giản (vì cả hai cái “*hư vô*”: khả thể và hiện thực bất tất cùng tự vượt bỏ thành sự khẳng định trực tiếp), trong việc quay trở lại trong mình (bằng cách hợp nhất, ra khỏi các tiền-giả định đã được hấp thu hết trong sự quay trở lại ấy), cái tất yếu **là** (“*tồn tại*” trực tiếp), thế thôi! Nó “*là*” một cách *tuyệt đối* (*schlechthin / absolument*), – là hiện thực vô-điều kiện, thoát ly hết khỏi mọi điều kiện bên ngoài. Vì thế, khi đối diện với “*số phận*” hay “*định mệnh*” nghiệt ngã, ta không còn hỏi “*tại sao?*”, trái lại, nhận ra sự vô ích của câu hỏi “*tại sao*”, ta thường nói: “*nó vậy thôi!*”, “*nó là như thế!*” (“*Bất phong trần, phải phong trần*”...). Vì, trong chừng mực được trung giới, cái tất yếu phụ thuộc vào hàng ngàn lý do, hoàn cảnh – xét cô lập, đều là bất tất –), nhưng cùng một cái tất yếu ấy, như là *tổng thể* đã hoàn tất và

trực tiếp, là tuyệt đối vô-điều kiện. Hegel phân tích sâu sắc nghịch lý này ở câu cuối của *Chính văn*.

- Cái “vậy thôi” là *không-được trung giới*, nghĩa là sự trực tiếp “tàn nhẫn” và sự tuyệt đối hoàn hảo. Tuy nhiên, sự trung giới của bản chất vẫn luôn *có mặt* ở trong nó, vì nếu không, nó sẽ chỉ là *tồn tại-thuần túy* của lúc khởi đầu (§86)! Nếu nó là “như thế”, “vậy thôi” thì cũng có nghĩa là... *bởi vì...*, nghĩa là do một sự “trung giới” làm cơ sở cho tồn tại trực tiếp của nó. Sự “trung giới” ấy là như sau: nó “vậy thôi” *bởi vì* nó... vậy thôi! Nói cách khác, ngay trong bản thân *tồn tại* (“vậy thôi”) của nó, cái tất yếu có *cơ sở* trung giới, làm cho nó có thể có được: *nó là cơ sở của chính nó*. Nó là *Sự việc* của chính nó, là *điều kiện* của chính nó và là *sự vận động hiện thực hóa* của nó. Nói ngắn, hiện thực của nó là bản thân khả thể của nó và khả thể này ở trong nó và chỉ ở trong nó. Đó là lý do *tại sao* nó “là vậy thôi”!
- Với sự tất yếu không còn đơn thuần là sự tất yếu bên ngoài mà là sự tất yếu tuyệt đối (“sự tất yếu tuyệt đối” nói ở đây dù sao vẫn còn là... “bên ngoài” trong chừng mực sự đồng nhất – trong đó nó triển khai – vẫn chưa phải là sự đồng nhất của Tự do và Khái niệm, nhưng nó đã vượt bỏ từng phần tính ngoại tại vốn không chế sự tất yếu ở §148, và từ nay tự nó thiết định các điều kiện), ta đã đạt tới đỉnh cao của hiện thực, để, xuất phát từ đây, nó sẽ tự triển khai một cách tự-mình-và-cho-mình trong sự vắng mặt hoàn toàn của sự cưỡng chế bên ngoài. Trong nghĩa đó, hiện thực thoát đầu thể hiện cho ta như là *BẢN THỂ* (*Substanz*). Đó sẽ là ba Quan hệ: - *Quan hệ Bản thể*; - *Quan hệ Nhân quả* và - *Quan hệ Tương tác* được xét lần lượt sau đây.